

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN VLXD & TTNT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
(CMID)



Tháng 04 / 2016

PHỤ LỤC



PHẦN MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG I: ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	1
Điều 1: Định nghĩa	1
CHƯƠNG II: TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	2
Điều 2: Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	2
CHƯƠNG III: MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	3
Điều 3: Mục tiêu của Công ty	3
Điều 4: Phạm vi kinh doanh và hoạt động	3
CHƯƠNG IV: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	4
Điều 5: Vốn Điều lệ, Cổ phần, Cổ đông sáng lập	4
Điều 6: Chứng chỉ cổ phiếu	5
Điều 7: Chứng chỉ chứng khoán khác	5
Điều 8: Chuyển nhượng cổ phần	6
Điều 9: Thu hồi cổ phần	6
CHƯƠNG V: CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT	7
Điều 10: Cơ cấu tổ chức quản lý	7
CHƯƠNG VI: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	7
Điều 11: Quyền của cổ đông phổ thông	8
Điều 12: Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông	8
Điều 13: Đại hội đồng cổ đông	8
Điều 14: Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông	9
Điều 15: Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 16: Thay đổi các quyền	11
Điều 17: Chương trình, nội dung họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	12
Điều 18: Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 19: Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 20: Điều kiện để Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua	15
Điều 21: Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 22: Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 23: Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	18
CHƯƠNG VII: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	19
Điều 24: Thành phần và Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	19
Điều 25: Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	20
Điều 26: Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	22
Điều 27: Thành viên Hội đồng quản trị thay thế	22
Điều 28 : Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	23
CHƯƠNG VIII: TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, NHỮNG CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY	27
Điều 29: Tổ chức bộ máy quản lý	27
Điều 30: Cán bộ quản lý	27
Điều 31: Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám Đốc điều hành	27
Điều 32: Thư ký Công Ty	29

CHƯƠNG IX: NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ	29
<u>Điều 33</u> : Trách nhiệm cần trọng của thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc điều hành và Cán bộ quản lý	29
<u>Điều 34</u> : Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	29
<u>Điều 35</u> : Phân cấp tài chính dự án đầu tư	31
<u>Điều 36</u> : Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	31
CHƯƠNG X: BAN KIỂM SOÁT	32
<u>Điều 37</u> : Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát	32
<u>Điều 38</u> : Quyền hạn và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	33
CHƯƠNG XI: QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	34
<u>Điều 39</u> : Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	34
CHƯƠNG XII: TỔ CHỨC ĐẢNG CSVN, CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	35
<u>Điều 40</u> : Tổ chức Đảng Cộng Sản Việt Nam, Công nhân viên và Công đoàn	35
CHƯƠNG XIII: PHÂN CHIA LỢI NHUẬN	35
<u>Điều 41</u> : Trả cổ tức	35
CHƯƠNG XIV: TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QŨY DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN	36
<u>Điều 42</u> : Tài khoản Ngân hàng	36
<u>Điều 43</u> : Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	36
<u>Điều 44</u> : Năm tài khóa	36
<u>Điều 45</u> : Hệ thống kế toán	37
CHƯƠNG XV: BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG	37
<u>Điều 46</u> : Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý	37
<u>Điều 47</u> : Công bố thông tin và Thông báo ra công chúng	38
CHƯƠNG XVI: KIỂM TOÁN CÔNG TY	38
<u>Điều 48</u> : Kiểm toán	38
CHƯƠNG XVII: CON DẤU	39
<u>Điều 49</u> : Con dấu	39
CHƯƠNG XVIII: CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	39
<u>Điều 50</u> : Chấm dứt hoạt động	39
<u>Điều 51</u> : Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội Đồng Quản Trị và Cổ đông	39
<u>Điều 52</u> : Thanh lý	40
CHƯƠNG XIX: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	40
<u>Điều 53</u> : Giải quyết tranh chấp nội bộ	40
CHƯƠNG XX: SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	41
<u>Điều 54</u> : Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	41
CHƯƠNG XXI: NGÀY HIỆU LỰC	41
<u>Điều 55</u> : Ngày hiệu lực	41
<u>Điều 56</u> : Chữ ký của các thành viên Hội đồng quản trị	42

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG & TRANG TRÍ NỘI THẤT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
(CMID)



PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được Công ty Cổ phần Vật Liệu Xây Dựng và Trang Trí Nội Thất Thành phố Hồ Chí Minh thông qua theo Nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông tổ chức chính thức vào ngày 15 tháng 04 năm 2016.

CHƯƠNG I
ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1: Định nghĩa.

- 1) Trong điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:
 - a) “*Vốn điều lệ*” là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và qui định tại điều 5 của điều lệ này.
 - b) “*Luật doanh nghiệp*” có nghĩa là Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc Hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.
 - c) “*Ngày thành lập*” là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
 - d) “*Cán bộ quản lý*” là Tổng Giám Đốc điều hành, Phó Tổng Giám Đốc điều hành, Kế toán trưởng và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn.
 - e) “*Người có liên quan*” là cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại Điều 4.17 của Luật doanh nghiệp.
 - f) “*Thời hạn hoạt động*” là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết.
 - g) “*Việt Nam*” là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- 2) Trong Điều lệ này, các tham chiếu nào tới một hoặc một số quy định, văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế của chúng.
- 3) Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

- 4) Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có ý nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

CHƯƠNG II

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2: Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty.

- 1) Tên hợp pháp của Công ty bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ TRANG TRÍ NỘI THẤT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.
 - a) Tên giao dịch của Công Ty bằng tiếng Anh: CONSTRUCTION MATERIAL & INTERIOR DECORATION JOINT STOCK COMPANY.
 - b) Tên viết tắt của Công Ty: CMID.
- 2) Công ty là Công ty Cổ Phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
- 3) Trụ sở đăng ký của Công ty: 215-217 Trần Hưng Đạo, Phường Cô Giang, Quận I, TP. Hồ Chí Minh.
 - Điện thoại: 38 368 531 – 38 367 969
 - Fax: (84.8) 38 369 434
 - E-mail: CMID @ hcm – fpt – vn
 - Website: <http://www.cmide.com.vn/>
- 4) Tổng Giám Đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật của Doanh nghiệp theo Điều 14 của Luật doanh nghiệp.
- 5) Công ty có thể thành lập Chi nhánh và Văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với Nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
- 6) Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 50 và Điều 51 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

CHƯƠNG III

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3: Mục tiêu của Công ty.

1) Lĩnh vực kinh doanh của Công ty:

Sản xuất, kinh doanh các loại vật liệu xây dựng. Sửa chữa và trang trí nội thất. Xây dựng dân dụng, công nghiệp và san lấp mặt bằng các công trình. Mua bán xăng dầu, chất đốt (đối với xăng dầu, gas chỉ hoạt động khi được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật), nhớt. Dịch vụ rửa xe. Kinh doanh nhà ở. Cho thuê căn hộ. Dịch vụ vận tải. Kinh doanh nhà hàng, khách sạn (không kinh doanh tại trụ sở). Mua bán máy móc, thiết bị, phụ tùng nông-lâm-ngư cơ. Cho thuê kho bãi, nhà xưởng, văn phòng. Mua bán hàng kim khí điện máy, máy vi tính và linh kiện, dụng cụ và trang thiết bị thể dục thể thao (trừ kinh doanh súng đạn thể thao và vũ khí thô sơ), nông lâm thủy hải sản, lương thực, thực phẩm công nghệ. Đào tạo nghề. Đầu tư tạo lập nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua. Mua nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua. Thuê nhà, công trình xây dựng để cho thuê lại. Đầu tư cải tạo đất và đầu tư các công trình hạ tầng trên đất thuê để cho thuê đất đã có hạ tầng. Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đầu tư công trình hạ tầng để chuyển nhượng, cho thuê; thuê quyền sử dụng đất đã có hạ tầng để cho thuê lại. Khai thác nước ngầm, cát, đá (không khai thác tại trụ sở). Trồng cây nông lâm nghiệp. Mua bán và chế biến mủ cao su (không chế biến tại trụ sở). Kinh doanh lữ hành nội địa, quốc tế. Kinh doanh vận chuyển hành khách theo hợp đồng. Đại lý dịch vụ bưu chính - viễn thông (trừ đại lý truy cập - truy nhập Internet). Mua bán, gia công, chế biến gỗ (không gia công, chế biến tại trụ sở). Hoạt động các câu lạc bộ thể thao: bể bơi, sân tennis. Giáo dục mầm non, trung học phổ thông. Bổ sung: khai thác sỏi, khai thác đất sét.

- 2) Mục tiêu hoạt động chủ yếu của Công ty là không ngừng phát triển mở rộng các hoạt động sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, xây dựng dân dụng, san lấp mặt bằng các công trình, kinh doanh nhà ở, cho thuê căn hộ, cao ốc văn phòng, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đầu tư công trình hạ tầng để chuyển nhượng, cho thuê khai thác nước ngầm, cát, đá... đa phương thức, cung cấp cho khách hàng của Công ty nhằm tối đa hóa giá trị doanh nghiệp, tạo việc làm ổn định cho người lao động, tăng trưởng lợi ích cho Công ty phù hợp với qui luật thị trường, đảm bảo hài hòa lợi ích của Nhà nước, của Công ty và các cổ đông.

Điều 4: Phạm vi kinh doanh và hoạt động.

- 1) Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo qui định của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều lệ này phù hợp với qui định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
- 2) Công ty có thể tiến hành những hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác, được Pháp luật cho phép và được Hội đồng quản trị phê chuẩn.

CHƯƠNG IV VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 5: Vốn Điều lệ, Cổ phần, Cổ đông sáng lập.

- 1) Vốn Điều lệ của Công ty là: **150.000.000.000 VNĐ** (Một trăm năm mươi tỷ đồng).
Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 15.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.
- 2) Công ty có thể tăng Vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các qui định của Pháp luật.
- 3) Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông, [Cổ phần chi phối][cổ phần đặc biệt] và [cổ phần ưu đãi]. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo cổ phần được quy định tại Điều 11.
- 4) Công ty có thể phát hành các loại cổ phiếu ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các qui định của pháp luật.
- 5) [Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật doanh nghiệp sẽ được nêu tại phụ lục... đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này].
- 6) Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu hai mươi ngày làm việc) để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phiếu đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua sở Giao dịch Chứng khoán / Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.
- 7) Công ty có thể mua chính cổ phần do chính Công ty phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được qui định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của điều lệ này và Luật chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.
- 8) Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác Khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 6 : Chứng chỉ cổ phiếu.

- 1) Cổ đông của Công ty được cấp chứng chỉ hoặc chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu, trừ trường hợp quy định tại điều Khoản 7 của Điều 6.
- 2) Chứng chỉ cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo Pháp luật của Công ty theo các qui định tại Luật doanh nghiệp. Chứng chỉ cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ (nếu là cổ phiếu ghi danh) và các thông tin khác theo quy định của Luật doanh nghiệp. Mỗi chứng chỉ cổ phiếu ghi danh chỉ đại diện cho một loại cổ phần.
- 3) Trong thời gian 15 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng chỉ cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng chỉ cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí gì.
- 4) Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần ghi danh trong một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh, chứng chỉ cũ sẽ bị hủy bỏ và một chứng chỉ mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.
- 5) Trường hợp chứng chỉ ghi danh bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu ghi danh đó có thể yêu cầu được cấp chứng chỉ cổ phiếu mới có điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.
- 6) Người sở hữu chứng chỉ cổ phiếu vô danh phải chịu trách nhiệm về việc bảo quản chứng chỉ và Công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong các trường hợp chứng chỉ này bị mất cắp hoặc bị sử dụng với mục đích lừa đảo.
- 7) Công ty có thể phát hành cổ phiếu ghi danh không theo hình thức chứng chỉ. Hội đồng quản trị có thể ban hành văn bản quy định cho phép các cổ phần ghi danh (theo hình thức chứng chỉ hoặc không chứng chỉ) được quyền chuyển nhượng mà không bắt buộc phải có văn bản chuyển nhượng. Hội đồng quản trị có thể ban hành các quy định về chứng chỉ và chuyển nhượng cổ phần theo các quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Điều lệ này.

Điều 7: Chứng chỉ chứng khoán khác.

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

Điều 8: Chuyển nhượng cổ phần.

- 1) Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và Luật pháp có qui định khác. Cổ phiếu niên yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán / Trung tâm Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng khoán / Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.
- 2) Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng cổ tức.

Điều 9: Thu hồi cổ phần.

- 1) Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại, cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định.
- 2) Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới, tối thiểu là bảy ngày kể từ ngày gửi thông báo, địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán đúng theo yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
- 3) Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại các khoản 4, 5 và 6 và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.
- 4) Cổ phần bị thu hồi sẽ trở thành tài sản của Công ty. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
- 5) Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỉ lệ % lãi vay tín dụng ngân hàng. Vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.
- 6) Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG V

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10: Cơ cấu tổ chức quản lý.

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:

- 1) Đại hội đồng cổ đông.
- 2) Hội đồng quản trị.
- 3) Ban Kiểm Soát.
- 4) Tổng Giám Đốc điều hành.

CHƯƠNG VI

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11: Quyền của cổ đông phổ thông.

- 1) Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
- 2) Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây :
 - a) Tham dự và phát biểu trong các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền hoặc theo hình thức khác do pháp luật, Điều lệ công ty quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.
 - b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - c) Ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong công ty.
 - d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 119 và Khoản 1 Điều 126 của Luật Doanh Nghiệp.
 - e) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác.
 - f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông.

- g) Khi Công ty giải thể phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty.
- 3) Cổ đông hoặc một nhóm cổ đông nắm giữ trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ 06 tháng trở lên, có thêm các quyền sau:
- a) Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm Soát theo qui định tương ứng tại các Điều 24.3 và Điều 37.2.
 - b) Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 114 của Luật doanh nghiệp.
 - c) Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông.
 - d) Yêu cầu ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.
 - e) Các quyền khác được qui định tại Điều lệ này.

Điều 12: Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông.

- 1) Thanh toán đầy đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
- Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần.
- 2) Tuân thủ Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
- 3) Chấp hành Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
- 4) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của luật Doanh Nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 13: Đại hội đồng cổ đông.

- 1) Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty Cổ phần.

2) Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau đây :

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty.
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán ; Quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần.
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên.
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty nếu Điều lệ Công ty không quy định một tỷ lệ hoặc một giá trị khác.
- e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.
- f) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm.
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại.
- h) Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty.
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể công ty.
- j) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 14: Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.

- 1) Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường.
- 2) Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

- a) Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty.
- b) Báo cáo tài chính hàng năm.
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị.

- d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám Đốc.
 - e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng kiểm soát viên.
 - f) Mức cổ tức đối với cổ phần của từng loại.
- 3) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây :
- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty.
 - b) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật.
 - c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 114 của Luật Doanh Nghiệp.
 - d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát.
 - e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
- 4) Triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường :
- a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại theo quy định tại Điểm b hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm c và Điểm d Khoản 3 Điều này.
 - b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.
 - c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật Doanh Nghiệp có quyền đại diện công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.
- 5) Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại các Điểm a, b, c Khoản 4 Điều này sẽ được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu trong thời gian tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 15: Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

- 1) Cổ đông có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp hoặc thông qua một trong các hình thức quy định tại Khoản 2 Điều này. Trường hợp cổ đông là tổ chức chưa có người đại diện theo ủy quyền quy định tại Khoản 4 Điều 15 của Luật Doanh Nghiệp thì ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.

Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu do công ty phát hành. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

- 2) Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.
 - b) Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

Điều 16: Thay đổi các quyền .

- 1) Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông (trong các trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 13 liên quan đến vốn cổ phần của Công ty được chia thành các loại cổ phần khác nhau) về việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại cổ phần sẽ chỉ được thông qua khi có sự nhất trí bằng văn bản của những người nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của cổ phần đã phát hành loại đó.
- 2) Việc tổ chức một cuộc họp như trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì sẽ tổ chức họp lại trong vòng ba mươi ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp riêng biệt nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín và mỗi người khi bỏ phiếu kín đều có một lá phiếu cho mỗi cổ phần sở hữu thuộc loại đó.
- 3) Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các qui định tại Điều 18 và Điều 20 của Điều lệ này.

- 4) Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần được qui định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công Ty sẽ không bị thay đổi khi Công Ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 17: Chương trình, nội dung họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.

- 1) Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
- a) Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội trong vòng ba mươi ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp và các tài liệu theo quy định phù hợp với Luật pháp và các qui định của Công Ty.
 - b) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội.
 - c) Thông báo và gửi thông báo cho tất cả các cổ đông đủ điều kiện tham dự Đại hội đồng cổ đông.
- 2) Thông báo Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại đại hội. Đối với các cổ đông đã thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi đến tổ chức lưu ký, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán, trên website của Công ty, 01 tờ báo trung ương hoặc 01 tờ báo địa phương nơi Công ty đóng trụ sở chính. Đối với các cổ đông chưa thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể gửi cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức đảm bảo tới địa chỉ đã đăng ký cho cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Trường hợp cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trường hợp cổ đông là người làm việc trong Công ty, thông báo có thể được trưng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi trước ít nhất mười lăm ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Trường hợp Công ty có website, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông.
- 3) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Điều 11.3 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công Ty ít nhất 03 ngày trước khi bắt đầu họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được nêu rõ họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần nắm giữ và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.
- 4) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến khoản 4 của Điều 17 trong các trường hợp sau;

- a) Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung.
 - b) Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ 06 tháng trở lên.
 - c) Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua.
- 5) Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.
- 6) Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua Đại diện được ủy quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những biểu quyết được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

Điều 18: Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.

- 1) Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết.
- 2) Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết.
- 3) Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ 3 trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.
- 4) Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 139 của Luật doanh nghiệp.

Điều 19: Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

- 1) Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
- 2) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký,

họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ ủng hộ nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu ủng hộ, phản đối từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu đại hội không chọn thì Chủ tọa sẽ chọn những người đó. Số thành viên của ban kiểm phiếu không quá ba người.

- 3) Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.
- 4) Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì, trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc là người được Đại hội đồng cổ đông bầu ra sẽ chủ trì. Trường hợp không ai trong số họ có thể chủ trì đại hội, thành viên Hội đồng quản trị chức vụ cao nhất có mặt sẽ tổ chức họp để bầu ra Chủ tọa của Đại hội đồng cổ đông, Chủ tọa không nhất thiết phải là thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch, Phó Chủ tịch hoặc Chủ tọa được Đại hội đồng cổ đông bầu ra để cử một thư ký để lập biên bản đại hội. Trường hợp bầu Chủ tọa, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố.
- 5) Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.
- 6) Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn họp đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của đại hội nếu nhận thấy rằng (a) các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức đại hội, (b) hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp hoặc (c) sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ. Ngoài ra, Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá ba mươi ngày dự định khai mạc đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra sẽ được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó.
- 7) Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại Khoản 6 Điều 19, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.
- 8) Chủ tọa của đại hội hoặc thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.

- 9) Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện ủy quyền tham dự đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia đại hội.
- 10) Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:
- a) Điều chỉnh số người có mặt tại đại điểm chính họp Đại hội đồng cổ đông.
 - b) Bảo đảm an toàn cho người có mặt tại địa điểm đó.
 - c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.
- 11) Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
- 12) Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:
- a) Thông báo rằng đại hội sẽ tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội sẽ có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”).
 - b) Bố trí tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội.
- Thông báo về tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.
- 13) Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.

Hàng năm Công ty phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 20: Điều kiện để Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- 1) Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số cổ phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp tán thành :
- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại.
 - b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh.

- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty.
 - d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.
 - e) Tổ chức lại, giải thể công ty.
- 2) Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại Khoản 1 và Khoản 3 Điều này.
- 3) Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
- 4) Trường hợp thông qua Nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành.

Điều 21: Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

- 1) Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
- 2) Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông.
- 3) Phiếu lấy ý kiến phải có nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty.
 - b) Mục đích lấy ý kiến.
 - c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông

hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông.

- d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định.
 - e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến.
 - f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời.
 - g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.
- 4) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.

- 5) Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh.
 - b) Mục đích và các vấn đề lấy ý kiến để cổ đông thông qua quyết định.
 - c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết.
 - d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến với từng vấn đề.
 - e) Các quyết định đã được thông qua.
 - f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty và của người giám sát kiểm phiếu.
 - g) Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
- 6) Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kết quả kiểm phiếu.

- 7) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
- 8) Quyết định thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 22: Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu trữ dưới hình thức điện tử khác và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- 1) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.
- 2) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông.
- 3) Chương trình và nội dung cuộc họp.
- 4) Họ tên chủ tọa và thư ký.
- 5) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
- 6) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng.
- 7) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- 8) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng.
- 9) Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Điều 23: Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Trong thời gian 90 ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 114 của Luật doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ Nghị quyết hoặc một phần nội dung Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- 1) Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 – Điều 148 của Luật Doanh Nghiệp.

- 2) Nội dung Nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

CHƯƠNG VII

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24: Thành phần và Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.

- 1) Số lượng thành viên của Hội Đồng Quản Trị ít nhất là ba (3) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm ; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị.
- 2) Số lượng thành viên của Hội Đồng Quản Trị do các cổ đông sáng lập đề cử theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của từng cổ đông sáng lập. Các cổ đông sáng lập được quyền gộp tỷ lệ sở hữu cổ phần vào với nhau để bỏ phiếu đề cử các thành viên Hội đồng quản trị.
- 3) Các cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn qui định tại Điều lệ Công ty có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Từ 10% Tổng số cổ phần trở lên được đề cử một thành viên, từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên, từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên, từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên và nếu từ 65% trở lên đề cử đủ số ứng cử viên.
- 4) Trường hợp các ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.
- 5) Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:
 - a) Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị.
 - b) Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty.
 - c) Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi.

- d) Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu tháng, và trong thời gian này Hội đồng quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống.
- e) Thành viên đó bị cách chức thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- 6) Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị mới để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.
- 7) Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 25: Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.

- 1) Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- 2) Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây :
 - a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty.
 - b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.
 - c) Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại ; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác.
 - d) Quyết định bán cổ phần và trái phiếu của công ty.
 - e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Khoản 1 Điều 130 của Luật Doanh Nghiệp.
 - f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật.
 - g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ.
 - h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy

định tại Điểm d Khoản 2 Điều 135 và Khoản 1, Khoản 3 Điều 162 của Luật Doanh Nghiệp.

- i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị ; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc, Kế toán trưởng và người quản lý quan trọng khác ; quyết định tiền lương và quyền lợi khác của những người quản lý đó ; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó.
 - j) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám Đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty.
 - k) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp khác.
 - l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập Đại hội đồng cổ đông, lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định.
 - m) Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông.
 - n) Kiến nghị mức cổ tức được trả ; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.
 - o) Kiến nghị mức thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; chọn đơn vị kiểm toán hàng năm.
 - p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản công ty.
 - q) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều lệ công ty.
- 3) Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
- 4) Tiền lương, thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị:
- a) Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao và tiền thưởng, Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo quy tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
 - b) Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và mức chi phí khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao.

- c) Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị và chi phí khác được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 26: Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị

- 1) Hội Đồng Quản Trị phải lựa chọn trong số các thành viên của mình để bầu ra một Chủ Tịch và một Phó Chủ Tịch. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị sẽ không kiêm chức Tổng Giám Đốc điều hành. Nếu Hội Đồng Quản Trị xét vì lợi ích của Công Ty và các cổ đông chấp thuận rằng Chủ Tịch có thể đồng thời là Tổng Giám Đốc điều hành, quyết định này cần phải được khẳng định lại hàng năm, bằng hình thức biểu quyết thông qua tại kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên.
- 2) Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị có trách nhiệm triệu tập và chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. Phó Chủ Tịch có các quyền và nghĩa vụ như Chủ Tịch trong trường hợp được Chủ Tịch ủy quyền nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội Đồng Quản Trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong trường hợp nếu Chủ tịch không chỉ định Phó Chủ Tịch hành động như vậy, các thành viên còn lại của Hội Đồng Quản Trị sẽ chỉ định Phó Chủ Tịch. Trường hợp cả Chủ Tịch và Phó Chủ Tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì bất kỳ lý do nào đó, Hội Đồng Quản Trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ Tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.
- 3) Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Công Ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội Đồng Quản Trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.
- 4) Trường hợp cả Chủ Tịch và Phó Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội Đồng Quản Trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười ngày.

Điều 27: Thành viên Hội Đồng Quản Trị thay thế.

- 1) Thành viên Hội Đồng Quản Trị (không phải người được ủy nhiệm thay thế cho thành viên đó) có thể chỉ định bất kỳ một thành viên Hội Đồng Quản Trị khác, hoặc một người được Hội Đồng Quản Trị phê chuẩn và sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ này, làm người thay thế cho mình và có quyền bãi miễn người thay thế đó.
- 2) Thành viên Hội Đồng Quản Trị thay thế sẽ có quyền được nhận thông báo về các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị và của các tiểu ban thuộc Hội Đồng Quản Trị mà người chỉ định anh ta là thành viên, có quyền tham gia và biểu quyết tại các cuộc họp khi thành viên Hội Đồng Quản Trị chỉ định anh ta không có mặt và được ủy quyền để thực hiện tất cả các chức năng của người chỉ định như là thành viên của Hội Đồng Quản Trị trong trường hợp người chỉ định vắng mặt, Thành viên thay thế

không có quyền nhận bất kỳ khoản thù lao nào từ phía Công Ty cho công việc của mình với tư cách là thành viên Hội Đồng Quản Trị thay thế. Tuy nhiên, Công Ty không bắt buộc phải gửi thông báo về các cuộc họp nói trên cho thành viên Hội Đồng Quản Trị thay thế không có mặt tại Việt Nam.

- 3) Thành viên thay thế sẽ phải từ bỏ tư cách thành viên Hội Đồng Quản Trị trong trường hợp người chỉ định anh ta không còn tư cách thành viên Hội Đồng Quản Trị. Trường hợp một thành viên Hội Đồng Quản Trị hết nhiệm kỳ nhưng lại được tái bổ nhiệm hoặc được coi là đã được tái bổ nhiệm trong cùng Đại hội cổ đông mà thành viên đó thôi giữ chức do hết nhiệm kỳ thì việc chỉ định thành viên thay thế do người này thực hiện ngay trước thời điểm hết nhiệm kỳ sẽ tiếp tục có hiệu lực sau khi thành viên đó được tái bổ nhiệm.
- 4) Việc chỉ định hoặc bãi nhiệm thành viên thay thế phải được thành viên Hội đồng quản trị chỉ định hoặc bãi nhiệm người thay thế làm bằng văn thông báo và ký gửi cho Công ty hoặc theo hình thức khác do Hội Đồng Quản Trị phê chuẩn.
- 5) Ngoài những quy định đã được nêu trong Điều lệ này, thành viên thay thế sẽ được coi như là thành viên Hội Đồng Quản Trị trên mọi phương diện và phải chịu trách nhiệm cá nhân về hành vi và sai lầm của mình mà không được coi là người đại diện thừa hành sự ủy quyền của thành viên Hội Đồng Quản Trị đã chỉ định mình.

Điều 28 : Các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị

- 1) Trường hợp Hội Đồng Quản Trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu ra Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải tiến hành trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
- 2) Các cuộc họp thường kỳ: Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất bảy ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.
- 3) Các cuộc họp bất thường: Chủ Tịch phải triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:
 - a) Tổng Giám Đốc điều hành hoặc ít nhất năm Cán bộ Quản lý.
 - b) Hai thành viên Hội Đồng Quản Trị.
 - c) Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị.

- d) Đa số thành viên Ban Kiểm Soát.
- 4) Các Cuộc họp Hội Đồng Quản Trị nêu tại Khoản 3 Điều 28 phải được tiến hành trong thời hạn mười lăm ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều 28 có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.
 - 5) Theo yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công Ty.
 - 6) Địa điểm họp: Các cuộc họp Hội Đồng Quản Trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công Ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng và sự nhất trí của Hội đồng quản trị.
 - 7) Thông báo và chương trình họp: Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.
- Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải đảm bảo đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
- 8) Số thành viên tham dự tối thiểu: Cuộc họp chỉ có thể được tiến hành và thông qua các Nghị quyết khi có ít nhất ba phần tư số thành viên Hội Đồng Quản Trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện thay thế.
 - 9) Biểu quyết:
 - a) Trừ qui định tại mục 9b Điều này, mỗi thành viên Hội Đồng Quản Trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng sẽ có một phiếu biểu quyết.
 - b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công Ty. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.

- c) Theo qui định tại Khoản 9d Điều 28, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa của cuộc họp và phán quyết của Chủ tọa liên quan đến tất cả thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội Đồng Quản Trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng.
 - d) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều 34.4a và Điều 34.4b của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.
- 10) Công khai lợi ích: Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội Đồng Quản Trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.
- 11) Biểu quyết đa số: Hội Đồng Quản Trị thông qua các Nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng có mặt (trên 50%). Nếu số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, Chủ tịch sẽ là người có lá phiếu quyết định.
- 12) Hợp trên điện thoại hoặc các hình thức khác: Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
- a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp.
 - b) Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện. Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được

khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

13) Nghị quyết bằng văn bản. Nghị quyết bằng văn bản phải có chữ ký của tất cả những thành viên Hội đồng quản trị sau đây:

- a) Thành viên có quyền biểu quyết về Nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị.
- b) Số lượng thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo qui định để tiến hành họp Hội đồng quản trị.

Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như là một Nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất một thành viên.

14) Biên bản họp Hội đồng quản trị: Chủ Tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp.

15) Các tiểu ban của Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị có thể thành lập và ủy quyền hành động cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

16) Giá trị pháp lý của hành động: Các hành động thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.



CHƯƠNG VIII

TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, NHỮNG CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 29: Tổ chức bộ máy quản lý .

Công Ty sẽ ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một Tổng Giám Đốc điều hành hoặc một số Phó Tổng Giám Đốc điều hành và một kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng Giám Đốc điều hành và các Phó Tổng Giám Đốc điều hành có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn bằng một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.

Điều 30: Cán bộ quản lý.

- 1) Theo đề nghị của Tổng Giám Đốc điều hành và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công Ty được sử dụng số lượng và loại Cán bộ quản lý cần thiết hoặc phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý Công Ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công Ty đạt được các mục tiêu đề ra.
- 2) Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám Đốc điều hành sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những cán bộ quản lý khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám Đốc điều hành.

Điều 31: Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám Đốc điều hành.

- 1) Hội đồng quản trị bổ nhiệm một người trong số họ hoặc thuê một người khác làm Tổng Giám Đốc.
- 2) Tổng Giám Đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty ; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

Nhiệm kỳ của Tổng Giám Đốc không quá 05 năm ; có thể bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám Đốc áp dụng theo quy định tại Điều 65 của Luật doanh nghiệp

- 3) Quyền hạn và nhiệm vụ: Tổng Giám Đốc điều hành có những quyền hạn và trách nhiệm sau.

- a) Thực hiện các Nghị Quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công Ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua.
 - b) Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có quyết nghị của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công Ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công Ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất.
 - c) Kiến nghị về số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Công Ty cần thuê để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt nhất do Hội đồng quản trị đề xuất, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý.
 - d) Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng của họ.
 - e) Vào ngày [31 tháng 10] hàng năm, Tổng Giám Đốc điều hành phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của Ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính 5 năm.
 - f) Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua.
 - g) Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công Ty.
 - h) Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công Ty (sau đây gọi tắt là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các Quy chế của Công Ty.
 - i) Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công Ty, các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng Giám Đốc điều hành và Pháp luật.
- 4) Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cổ đông. Tổng Giám Đốc điều hành chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

- 5) Bãi nhiệm. Hội Đồng Quản Trị có thể bãi nhiệm Tổng Giám Đốc điều hành khi có từ 2/3 thành viên Hội đồng quản trị trở lên biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng Giám Đốc điều hành) và bổ nhiệm một Tổng Giám Đốc điều hành mới thay thế. Tổng Giám Đốc điều hành bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo gần nhất

Điều 32: Thư ký Công Ty.

Hội Đồng Quản Trị chỉ định một (hoặc nhiều) người làm thư ký Công Ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội Đồng Quản Trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công Ty khi cần nhưng không trái với các qui định pháp luật hiện hành về lao động. Hội Đồng Quản Trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công Ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của thư ký Công Ty bao gồm:

- 1) Tổ chức các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị hoặc Ban Kiểm Soát.
- 2) Làm biên bản các cuộc họp.
- 3) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp.
- 4) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát.

Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và điều lệ công ty.

CHƯƠNG IX
NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,
TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ .

Điều 33: Trách nhiệm căn trọng của thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc điều hành và Cán bộ quản lý.

Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc điều hành và Cán bộ quản lý được ủy thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội Đồng Quản Trị, một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là có lợi ích cao nhất cho Công Ty và với một mức độ căn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 34: Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.

- 1) Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám Đốc điều hành và Cán bộ quản lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công Ty

vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân nào khác.

- 2) Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám Đốc điều hành và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng nêu trên chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.
- 3) Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám Đốc điều hành, cán bộ quản lý và gia đình của họ hoặc pháp nhân nào mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
- 4) Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công Ty với một hoặc nhiều thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc điều hành, cán bộ quản lý, hoặc những người liên quan đến họ hoặc Công Ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên Hội Đồng Quản Trị, cán bộ quản lý hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hóa vì những mối liên hệ vừa nêu, hoặc vì thành viên Hội Đồng Quản Trị đó hoặc cán bộ quản lý đó có mặt hoặc tham gia vào cuộc họp liên quan hoặc vào Hội Đồng Quản Trị hay tiểu ban đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch, hoặc vì những phiếu bầu của họ cũng được tính khi biểu quyết về mục đích đó, nếu:
 - a) Đối với hợp đồng có giá trị dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội Đồng Quản Trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan.
 - b) Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này.
 - c) Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công Ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội Đồng Quản Trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.

- 5) Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc điều hành, cán bộ quản lý hay người có liên quan của họ, không được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của Công Ty vào thời điểm họ có được những thông tin nội bộ chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các cổ đông khác lại không biết những thông tin này.

Điều 35: Phân cấp tài chính dự án đầu tư.

- 1) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty do Tổng Giám Đốc quyết định.
- 2) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 20% đến dưới 25% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty do Chủ tịch HĐQT quyết định.
- 3) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 25% đến dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty do Tập thể HĐQT quyết định.
- 4) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty phải có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 36: Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.

- 1) Trách nhiệm về thiệt hại: Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám Đốc điều hành và cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ, hành động một cách không trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
- 2) Bồi thường: Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Công Ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Công Ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội Đồng Quản Trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện được ủy quyền của Công Ty, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công Ty với tư cách là thành viên Hội Đồng Quản Trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện được ủy quyền của một Công Ty, đối tác, liên doanh, tín thác hoặc pháp nhân khác.

Những chi phí được bồi thường bao gồm : các chi phí phát sinh (kể cả chi phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức độ hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích của cao nhất của

Công Ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

Công Ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường như trên.

CHƯƠNG X BAN KIỂM SOÁT

Điều 37: Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát.

- 1) Số lượng thành viên Ban kiểm soát là ba (03) thành viên. Trong Ban kiểm soát phải có ít nhất một thành viên là người có chuyên môn về tài chính kế toán. Thành viên này không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát phải chỉ định một thành viên là cổ đông của Công ty làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:
 - a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng ban kiểm soát.
 - b) Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát.
 - c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.
- 2) Các cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn qui định tại Điều lệ Công ty có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Từ 10% Tổng số cổ phần trở lên được đề cử một thành viên, từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên, từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên, từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên và nếu từ 65% trở lên đề cử đủ số ứng cử viên.
- 3) Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bổ nhiệm, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- 4) Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:
 - a) Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát.
 - b) Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty.

- c) Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi.
- d) Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu tháng liên tục, và trong thời gian này Ban kiểm soát không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống.
- e) Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38: Quyền hạn và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.

- 1) Ban kiểm soát thực hiện giám sát HĐQT, Tổng Giám Đốc trong công việc quản lý và điều hành công ty.
- 2) Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh ; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- 3) Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông.
- 4) Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.
- 5) Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty xét thấy cần thiết hoặc theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 2 Điều 114 của Luật Doanh Nghiệp.
- 6) Kiến nghị HĐQT hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.
- 7) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám Đốc vi phạm quy định tại Điều 160 của Luật Doanh Nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
- 8) Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty.
- 9) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông.
- 10) Tiền lương, thù lao và quyền lợi khác của kiểm soát viên:

- a) Kiểm soát viên được trả tiền lương hoặc thù lao và được hưởng các quyền lợi khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức lương, thù lao và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Kiểm soát.
- b) Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
- c) Tiền lương, thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XI QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 39: Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.

- 1) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong Điều 24.3 và Điều 37.2 Điều lệ này, có quyền trực tiếp hoặc thông qua luật sư hoặc người được ủy quyền gửi một văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Công Ty về tình hình hoạt động của Công Ty, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông, xem danh sách cổ đông có quyền dự Đại hội cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được ủy quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
- 2) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc điều hành có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công Ty, danh sách cổ đông và những sổ sách, hồ sơ chứng từ khác của Công Ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được tuyệt đối bảo mật.
- 3) Công Ty lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các qui chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội Đồng Quản Trị, các báo cáo của Ban Kiểm Soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo qui định của Pháp luật tại trụ sở chính đã được thông báo trong Điều lệ này.
- 4) Mọi cổ đông đều có quyền được Công Ty cấp một bản Điều lệ Công Ty miễn phí. Trường hợp Công Ty có một Website riêng, Điều lệ này sẽ được công bố trên Website đó.



CHƯƠNG XII

TỔ CHỨC ĐẢNG CSVN, CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 40: Tổ chức Đảng Cộng Sản Việt Nam, Công nhân viên và Công đoàn

Công Ty tôn trọng và tạo điều kiện tốt nhất cho các tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn Thanh Niên, Hội phụ nữ.... trong Công Ty hoạt động theo Hiến pháp và Pháp luật của Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam và theo Điều lệ của tổ chức đó.

Tổng Giám Đốc điều hành lập kế hoạch và trình lên Hội Đồng Quản Trị “Thỏa ước lao động tập thể” nêu rõ các thỏa thuận về điều kiện lao động và sử dụng lao động, liên quan đến việc tuyển dụng lao động, hợp đồng lao động, buộc thôi việc, qui chế trả lương, trả thưởng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi xã hội, khen thưởng và kỷ luật... Đối với cán bộ quản lý và người lao động, phù hợp với các qui định của Pháp luật lao động và các luật liên quan, cũng như các mối quan hệ của Công Ty với các tổ chức Công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách qui định tại Điều lệ này, các qui chế của Công Ty và Pháp luật.

CHƯƠNG XIII

PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 41: Trả cổ tức.

1) Cổ tức trả cho cổ phần ưu đãi được thực hiện theo các điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần ưu đãi.

2) Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của công ty. Công ty chỉ trả cổ tức của cổ phần phổ thông khi có đủ các điều kiện sau đây:

- a) Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.
- b) Đã trích lập các quỹ công ty và bù đắp lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
- c) Ngay sau khi trả hết cổ tức đã định, công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

3) Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của công ty. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng Đồng Việt Nam và có thể được chi trả bằng séc, chuyển khoản hoặc lệnh trả tiền gửi bằng bưu điện đến địa chỉ của cổ đông. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán/Trung tâm giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký.

4) Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng loại cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức bảo đảm đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất 30 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức.

5) Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ công ty.

6) Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, công ty không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định tại các Điều 122, 123 và 124 của Luật Doanh Nghiệp. Công ty phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.

CHƯƠNG XIV **TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QŨY DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH** **VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN.**

Điều 42: Tài khoản Ngân hàng.

- 1) Công Ty sẽ mở tài khoản tại một Ngân hàng Việt Nam hoặc tại các Ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
- 2) Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền trong trường hợp cần thiết, Công Ty có thể mở tài khoản Ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của Pháp luật.
- 3) Công Ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các Ngân hàng mà Công Ty mở tài khoản.

Điều 43: Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ

Hàng năm, Công ty sẽ phải trích từ lợi nhuận sau thuế của mình một khoản vào quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật. Khoản trích này không vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế của Công ty và được trích cho đến khi quỹ dự trữ bằng 10% vốn Điều lệ của công ty.

Điều 44: Năm tài khóa.

Năm tài khóa của Công Ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 của năm đó.

Điều 45: Hệ thống kế toán.

- 1) Công Ty sử dụng hệ thống kế toán Việt Nam, tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam đã được Bộ Tài Chính ban hành (VAS). Tùy theo tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp mà Công Ty sẽ lựa chọn và áp dụng các chính sách theo quy định của chuẩn mực kế toán.
- 2) Công Ty sử dụng tiếng Việt trong việc ghi chép sổ sách, báo cáo kế toán. Hồ sơ sổ sách kế toán được lưu trữ theo các loại hình hoạt động kinh doanh mà Công Ty tham gia, những hồ sơ này phải đảm bảo tính chính xác, trung thực, kịp thời, đầy đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công Ty.
- 3) Công Ty sử dụng tiền đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong hạch toán kế toán.

CHƯƠNG XV
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN,
THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG.

Điều 46: Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý.

- 1) Công Ty phải lập báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước và báo cáo phải được kiểm toán theo qui định tại Điều 48 của Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng Khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.
- 2) Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Công ty là một công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm còn phải bao gồm bản cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các công ty con vào cuối mỗi năm tài chính.
- 3) Công Ty phải lập báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy định của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước và nộp cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung Tâm Giao Dịch Chứng Khoán.
- 4) Bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán gửi tới tất cả các cổ đông và được công bố trên nhật báo của địa phương và một tờ báo kinh tế trung ương trong vòng ba số liên tiếp. Trường hợp Công Ty có Website riêng, các

báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của Công Ty phải được công bố trên Website đó.

- 5) Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 47: Công bố thông tin và Thông báo ra công chúng.

Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác được công bố ra công chúng theo những quy định của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước và được nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp.

**CHƯƠNG XVI
KIỂM TOÁN CÔNG TY**

Điều 48: Kiểm toán.

- 1) Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ chỉ định một Công ty kiểm toán độc lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các Công Ty niên yết, tiến hành các hoạt động kiểm toán Công Ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội Đồng Quản Trị. [Đối với năm tài chính đầu tiên, sau khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh].
- 2) Công Ty chuẩn bị hoàn tất và gửi báo cáo kế toán tài chính hàng năm cho Công Ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc mỗi năm tài chính.
- 3) Công Ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo kế toán tài chính hàng năm, cho biết các khoản thu chi của Công Ty, lập Báo cáo Kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Các nhân viên của Công Ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công Ty phải có tên trong danh sách Kiểm toán viên được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước công nhận.
- 4) Một bản sao của Báo cáo Kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán tài chính hàng năm của Công ty.
- 5) Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công Ty sẽ được phép tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội cổ đông mà mọi cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại Đại hội về các vấn đề có liên quan đến nội dung, số liệu kiểm toán.

CHƯƠNG XVII CON DẤU

Điều 49: Con dấu.

- 1) Hội Đồng Quản Trị sẽ quyết định thông qua một con dấu chính thức của Công Ty và con dấu được khắc theo qui định của Luật pháp.
- 2) Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc điều hành sử dụng và quản lý con dấu Công Ty theo qui định của Pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVIII CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 50: Chấm dứt hoạt động.

- 1) Công ty hoạt động vô thời hạn theo Điều 2.6 bản Điều lệ này, nhưng có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
 - a) Khi Công Ty tuyên bố kết thúc trước thời hạn hoạt động hoặc giải thể theo quy định của Đại hội đồng cổ đông.
 - b) Tòa án tuyên bố Công Ty phá sản theo quy định của Pháp luật hiện hành.
 - c) Các trường hợp khác do Pháp luật quy định.
- 2) Việc giải thể Công ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định và quyết định này phải được thông báo đến cơ quan có thẩm quyền để thông báo hay chấp thuận nếu thủ tục chấp thuận này là bắt buộc.

Điều 51: Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội Đồng Quản Trị và Cổ đông.

Các cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội Đồng Quản Trị có quyền đệ đơn khiếu nại tới Tòa để yêu cầu giải thể chiếu theo một hay một số các trường hợp sau :

- 1) Các thành viên Hội Đồng Quản Trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công Ty, dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hoạt động.
- 2) Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị.
- 3) Có sự bất đồng trong nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi nhất cho toàn thể cổ đông.

Điều 52: Thanh lý.

- 1) Ít nhất sáu tháng trước khi tuyên bố kết thúc hoạt động hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công Ty, Hội đồng quản trị sẽ phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên. Hai thành viên do Đại hội cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một Công Ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công Ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công Ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công Ty.
- 2) Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày được thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công Ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công Ty trước tòa án và các cơ quan hành chính.
- 3) Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau :
 - a) Các chi phí thanh lý ;
 - b) Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên ;
 - c) Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công Ty phải trả cho Nhà Nước ;
 - d) Các khoản vay;
 - e) Các khoản nợ khác của Công Ty ;
 - f) Số dư còn lại sau khi đã thanh toán mọi khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông.

**CHƯƠNG XIX
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ**

Điều 53: Giải quyết tranh chấp nội bộ.

- 1) Khi phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công Ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật doanh nghiệp hay các Luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:
 - a) Một cổ đông hay các cổ đông với Công Ty.
 - b) Một cổ đông hay các cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám Đốc điều hành hay Cán bộ quản lý cao cấp thì các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ Chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Nếu tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể được quyền

chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

- 2) Nếu không có quyết định hòa giải nào đạt được thỏa thuận trong vòng sáu tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.
- 3) Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng hòa giải. Các chi phí của Tòa án sẽ do Tòa phán quyết bên nào phải chịu.

CHƯƠNG XX SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 54: Bổ sung và sửa đổi Điều lệ.

- 1) Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
- 2) Trong trường hợp có những quy định của Pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công Ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc có những quy định mới của Pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này, thì những quy định của Pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công Ty.

CHƯƠNG XXI NGÀY HIỆU LỰC

Điều 55: Ngày hiệu lực.

- 1) Bản Điều lệ này gồm 21 chương 56 Điều, được Đại hội đồng cổ đông Công Ty Cổ Phần Vật Liệu Xây Dựng và Trang Trí Nội Thất TP. Hồ Chí Minh, nhất trí thông qua ngày 15 tháng 04 năm 2016 tại TP. Hồ Chí Minh, và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
- 2) Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau, trong đó :
 - 01 bản nộp tại Phòng Công Chứng Nhà Nước của địa phương.
 - 05 bản nộp tại các cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố.
 - 04 bản lưu trữ tại Văn phòng Công Ty.
- 3) Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công Ty, được áp dụng ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội.
- 4) Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công Ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc ít nhất $\frac{1}{2}$ tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.



Điều 56 : Chữ ký của các thành viên Hội đồng quản trị:

1/- Ông Lê Văn Phải :

2/- Ông Huỳnh Văn Tư :

3/- Ông Nguyễn Văn Tha :